

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH QUẢNG BÌNH ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

ĐINH HỮU THÀNH^(*)

Bước vào năm 2019, tỉnh Quảng Bình vừa tròn 30 năm tái lập, nhìn lại chặng đường 30 năm xây dựng và phát triển, mặc dù còn nhiều khó khăn và thách thức, song tỉnh Quảng Bình đã nỗ lực phấn đấu giành được những thành tựu quan trọng. Kết quả nổi bật của kinh tế Quảng Bình trong 30 năm qua là:

Tốc độ tăng trưởng GRDP khá, gắn liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 1989-2019 đạt 8,2%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,0%; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 13,5%; khu vực dịch vụ tăng 8,6%. So với năm 1989, quy mô kinh tế năm 2019 tăng 119 lần¹; GRDP bình quân đầu người tăng 89 lần; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng, tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm². Xu hướng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ tăng nhờ tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp, dịch vụ luôn duy trì ở mức cao hơn so với ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Đặc biệt là trong thời kỳ 2010-2019, ngành du lịch khởi sắc và dần khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được tăng dần qua các năm. Từ số thu 14 tỷ đồng

năm 1990, đã tăng lên 4.500 tỷ đồng vào năm 2019, bình quân tăng 21%/năm, chiếm tỷ trọng 12,3% GDP toàn tỉnh. Cơ cấu thu ngân sách ngày càng bền vững hơn. Nhờ đó, các khoản chi ngân sách có cải thiện, nhất là chi cho đầu tư phát triển, chi lương, chi giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo và các khoản chi đột xuất, khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai...

Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của tỉnh được đầu tư ngày càng đồng bộ, hiện đại. Có sân bay, cảng biển, đường sắt, đường bộ, hệ thống thủy lợi,... 100% số xã có đường ô tô, 99,8% điện lưới quốc gia đến trung tâm xã; mạng lưới bưu chính - viễn thông, phát thanh truyền hình phủ kín 100% số xã; chủ động nước tưới cho trên 100% diện tích lúa đông xuân; 90% số dân ở nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh... Đó thực sự là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, năm 2018 tăng hơn 50 lần so với năm 1990. Số lượng doanh nghiệp nhà nước giảm, số lượng doanh nghiệp dân doanh tăng mạnh. Tài sản của khối doanh nghiệp tăng bình quân 13,6%/năm, trong đó, tài sản cố định và đầu tư dài hạn tăng 21,8%/năm. Đến cuối

^(*)Bí thư Huyện ủy Bố Trạch, (trước đây là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình).

¹Năm 1990, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá hiện hành đạt 307,7 tỷ đồng; năm 1999, đạt 1.955,6 tỷ đồng; năm 2019, đạt 36.592,0 tỷ đồng. Năm 1990, GRDP bình quân đầu người đạt 0,46 triệu đồng/người; đến năm 2019 dự ước đạt 41,0 triệu đồng/người.

²Năm 1990, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 19,2%, sau đó tăng dần qua các năm, đến năm 2019 chiếm 26,7%; dịch vụ năm 1990 chiếm 33,1%, năm 2019 chiếm 55,3%; nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 1990 chiếm 47,7%, đến năm 2019 chiếm 18,0%.

2019, tài sản của các doanh nghiệp ước đạt gần 80 ngàn tỷ đồng, trong đó số tài sản cố định và đầu tư dài hạn hơn 41 ngàn tỷ đồng. Đó là các điều kiện vật chất quan trọng làm ra giá trị sản lượng và giá trị gia tăng trong nền kinh tế.

Để tiếp tục phát huy những thành tựu kinh tế đã đạt được trong 30 năm qua, trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2050 do McKinsey&Company xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế tỉnh Quảng Bình đến 2030 như sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Bình trở thành tỉnh phát triển trong vùng, có mức thu nhập bình quân đầu người bằng cả nước, có ngành du lịch, dịch vụ phát triển mạnh. Tạo đột phá trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh. Huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn; thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển mạnh hệ thống đô thị, khu kinh tế. Khai thác có hiệu quả lợi thế về địa chính trị và địa kinh tế của địa phương nhằm tạo động lực phát triển cho các vùng trong tỉnh. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế. Hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2030 đạt 9÷10%.

- Tốc độ tăng trưởng: Nông lâm ngư 4,0÷4,5%; Công nghiệp 14÷15%; Dịch vụ:

10%.

- Đến năm 2030, cơ cấu ngành kinh tế: Công nghiệp - xây dựng, Dịch vụ, Nông nghiệp đạt tỷ trọng tương ứng là 30% - 60% - 10%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 4.700 USD.

- Đến 2030, thu ngân sách đạt 11.000 tỷ đồng, tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2030 đạt trên 15%/năm.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 2021-2030 đạt trên 150.000 tỷ đồng.

- Đến năm 2030 có 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Phấn đấu ngành du lịch đạt 8 triệu lượt khách.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng tăng trưởng, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng chất lượng, hiệu quả; tăng nhanh khu vực có năng suất lao động và hiệu quả cao. Hình thành rõ nét vùng động lực, ngành chủ lực, mũi nhọn trên cơ sở tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng những sản phẩm, thương hiệu có năng lực cạnh tranh ở trong và ngoài nước. Tăng cường liên kết để phát huy thế mạnh và vai trò động lực của từng vùng, từng trung tâm kinh tế, góp phần đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế; bảo đảm hài hòa giữa các vùng, đô thị và nông thôn. Tập trung đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp, các khu thương mại, dịch vụ gắn với các khu kinh tế, khu du lịch, đô thị và vùng nông thôn, miền núi, khu kinh tế cửa khẩu và các cụm di tích văn hóa, lịch sử.

2.2. Nông nghiệp

Với mục tiêu giá trị sản xuất nông, lâm và

ngư nghiệp trong tổng GRDP của Quảng Bình từ 7,5 nghìn tỷ VND năm 2016 đến năm 2030 là 26,3 nghìn tỷ VND với tỷ lệ tăng trưởng hàng năm khoảng 4,5-5%. Xây dựng một nền nông, lâm và ngư nghiệp toàn diện với nền tảng là trồng trọt và chăn nuôi, chú trọng vào phát triển nuôi trồng thủy sản đi kèm với phát triển tiềm năng từ rừng. Phát triển bền vững dựa trên việc tối ưu hóa trong sản xuất với việc áp dụng công nghệ mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong nuôi, trồng và sản xuất hàng hóa nhưng vẫn đảm bảo được việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xây dựng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến và thị trường. Xác định các lĩnh vực ưu tiên làm cơ sở lựa chọn hình thành các chương trình, dự án để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện, tập trung cao các nguồn lực để phát triển các ngành sản xuất lợi thế, có thị trường, có triển vọng phát triển thành hàng hóa quy mô lớn. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ có chính sách kích thích mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp; phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị.

Thực hiện công tác dồn điền đổi thửa, giảm tình trạng ruộng đất manh mún và phân tán tạo điều kiện hình thành các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa, đưa cơ giới vào sản xuất; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nông nghiệp phát triển; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp. Tiếp tục triển khai các đề tài khoa học, mô hình khuyến nông có hiệu quả nhân rộng vào sản xuất, chú trọng áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

Sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả, phát triển mạnh liên kết sản xuất theo cánh đồng lớn, làm cơ sở phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; tăng tỷ trọng cơ giới hóa trong khâu chế biến. Xây dựng các vùng sản xuất cây dược liệu, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa hàng hóa tập trung, trước hết là các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh; tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng giống, áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến. Tiếp tục khuyến khích và nâng cao hiệu quả đánh bắt xa bờ; nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng thủy sản chủ lực trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, quản lý chặt chẽ giống; đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản, nhất là cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá. Du nhập và chuyển giao các công nghệ khai thác, bảo quản chế biến thủy sản mới phù hợp nhằm giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch cho ngư dân. Phát triển lâm nghiệp bền vững từ quản lý, bảo vệ, phát triển sử dụng rừng đến chế biến, thương mại lâm sản, bảo vệ môi trường cho du lịch sinh thái; khai thác hợp lý lợi ích kinh tế từ rừng theo nguyên tắc bền vững. Khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng thâm canh, trồng rừng gỗ lớn, hiện đại hóa công nghệ chế biến nhằm nâng cao giá trị lâm sản, chú trọng phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng nông thôn mới. Chú trọng phát triển sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập cho nông dân. Từng bước đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư theo hình thức PPP và các hình thức đầu tư khác để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của cư dân nông thôn.

Triển khai cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ; tiếp tục rà soát điều chỉnh, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích, hỗ trợ cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng tích cực. Hỗ trợ cải tiến mẫu mã, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tìm kiếm thị trường. Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến cách thức quản lý, kỹ thuật nuôi trồng an toàn và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP... từng bước xây dựng thương hiệu nông sản Quảng Bình.

2.3. Công nghiệp xây dựng

Định hướng chung của tỉnh là ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, gắn với liên với chủ trương phát triển ngành du lịch và dịch vụ của tỉnh. Đồng thời phát triển một số ngành công nghiệp lắp ráp, chế tạo, chế biến nói trên ở một số khu vực có nhiều tiềm năng, lợi thế về tài nguyên, lao động, thị trường... nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh, tăng nguồn thu ngân sách và giải quyết việc làm cho người lao động. Cần liên tục chú trọng đến khai thác vật liệu xây dựng tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học và thay đổi cảnh quan địa hình.

Thực hiện điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại các ngành công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế trên từng vùng, địa phương theo hướng tập trung, không dàn đều, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh. Đầu tư xây dựng: Khu kinh tế, khu công nghiệp và các cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được phê duyệt để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp.

Giai đoạn đến năm 2030, ưu tiên đầu tư phát triển ngành công nghiệp dệt may, da giày; chế biến sâu đối với các sản phẩm nông, lâm,

thủy hải sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tăng giá trị xuất khẩu; khuyến khích phát triển chế biến bằng công nghệ cao.

Giai đoạn sau năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển các thể hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ điện tử, thông tin và viễn thông; phổ cập công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới, công nghệ sinh học và các ngành công nghiệp có hàm lượng chất xám cao, có năng lực cạnh tranh quốc tế tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư của tỉnh; nghiên cứu và đề xuất Chính phủ miễn, giảm thuế ở mức hợp lý và có thời hạn phù hợp cho các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp thông minh đầu tư vào các khu vực, địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để tạo sự hấp dẫn thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng (kể cả vốn vay từ nước ngoài) đối với các doanh nghiệp công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa.

2.4. Thương mại, dịch vụ và du lịch

2.4.1. Thương mại, dịch vụ

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh, thực hiện chức năng định hướng thị trường, kiểm tra, kiểm soát thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi chủ thể kinh doanh phát triển kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh theo kỷ cương, pháp luật.

Phát triển đa dạng các loại hình cơ sở vật chất - kết cấu hạ tầng thương mại của tỉnh, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với hiện đại, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường trên từng địa bàn huyện, thị xã, thành phố. Bên cạnh các trung tâm thương mại, siêu thị hiện đại, cần chú trọng phát triển hệ thống chợ, cửa hàng, nhất là chợ ở khu vực

nông thôn để đạt các tiêu chí chợ về xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục củng cố và phát triển các mô hình tổ chức lưu thông theo từng thị trường ngành hàng, thích ứng với trình độ sản xuất, xu hướng và phương thức thỏa mãn tiêu dùng trong tỉnh gắn với các cụm công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm, các vùng sản xuất hàng hóa, khu dân cư, các trục giao thông chính. Phát triển thị trường thành thị theo hướng văn minh hiện đại, củng cố và mở rộng mạng lưới thương mại dịch vụ ở thị trường nông thôn. Đảm bảo cung ứng đầy đủ vật tư, thiết bị, các dịch vụ cần thiết cho sản xuất và tiêu dùng, ổn định thị trường hàng hóa trong tỉnh.

Xây dựng đội ngũ thương nhân của tỉnh ngày càng lớn mạnh, tham gia tích cực vào quá trình phát triển thị trường trong và ngoài tỉnh. Phát triển nhanh các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu, doanh nghiệp phân phối lớn có phạm vi hoạt động rộng với nhiều hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng phù hợp. Đổi mới mô hình tổ chức, công nghệ quản lý và phương thức kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa để từng bước xây dựng các loại hình doanh nghiệp thương mại.

Đẩy mạnh hoạt động xuất - nhập khẩu hàng hóa theo hướng vừa mở rộng thị trường, mặt hàng, vừa nâng cao hiệu quả xuất - nhập khẩu phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, hạn chế ô nhiễm môi trường. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển nhanh các mặt hàng xuất khẩu mà tỉnh có tiềm năng, thế mạnh, ưu tiên nhập khẩu các công nghệ tiên tiến hiện đại phục vụ cho quá trình chế biến tinh hàng xuất khẩu và các ngành công nghiệp phụ trợ.

Khai thác hiệu quả các chương trình hợp tác kinh tế, thương mại với Lào, Thái Lan, các nước ASEAN, Trung Quốc, ... để mở rộng thị trường xuất khẩu của tỉnh theo hướng đa phương hóa, nghiên cứu áp dụng các biện pháp

tự vệ, chống bán phá giá và chống bán trợ giá để bảo vệ quyền lợi chính đáng của các doanh nghiệp trong tỉnh, phù hợp với các nguyên tắc của WTO.

Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp và khuyến khích người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh phát triển các hoạt động thương mại điện tử, mua bán trực tuyến. Đảm bảo an toàn thông tin trong giao dịch thương mại điện tử. Phát triển đa dạng các dịch vụ phụ trợ cho phân phối hàng hóa; Nâng cao vai trò của các hiệp hội, làng nghề và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác trong việc hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ.

2.4.2. Du lịch

Theo quy hoạch phát triển du lịch Quảng Bình trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do McKinsey xây dựng, định vị Quảng Bình là trung tâm du lịch mạo hiểm của châu Á, thiên đường khám phá và trải nghiệm, điểm đến du lịch hàng đầu tại khu vực Đông Nam Á với hệ thống hang động hùng vĩ, hệ sinh thái đa dạng, các giá trị văn hóa phong phú, điểm đến nghỉ dưỡng và giải trí thể thao cao cấp hàng đầu của Việt Nam gắn với lợi ích cộng đồng và phát triển du lịch bền vững. Cụ thể hóa các mục tiêu chính sau:

- Tăng lượng khách du lịch lên 8 triệu khách, trong đó có 3 triệu khách du lịch nước ngoài.

- Kéo dài thời gian lưu trú trung bình từ 1,1 đêm lên 2,5 đêm.

- Tăng tổng thu từ khách du lịch bình quân ngày lên xấp xỉ 90 USD/ du khách (theo giá thực tế).

Tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; triển khai sâu rộng các hoạt động

tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy định của nhà nước về du lịch nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phát triển du lịch, ngành, nghề du lịch trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đối với các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và nhân dân, qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch.

Tiếp tục hoàn thiện các quy hoạch xây dựng cũng như các quy hoạch phát triển du lịch các khu, tuyến, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh, tạo điều kiện để thu hút đầu tư xây dựng, cải tạo, chỉnh trang hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch của tỉnh. Triển khai có hiệu quả các các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, các nghị định của Chính phủ, văn bản của bộ, ngành Trung ương và văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh. Rà soát các quy định về chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh để đề xuất bổ sung các đối tượng, điều chỉnh các điều khoản hỗ trợ và ưu đãi phù hợp với điều kiện thực tế, chú trọng đến việc đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng, các loại hình du lịch mới, các sản phẩm du lịch đặc trưng. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư sớm hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác các dự án đầu tư về cơ sở lưu trú, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí. Tiếp tục làm việc, mời gọi các doanh nghiệp lớn hành lớn trong nước và quốc tế đặt chi nhánh, văn phòng đại diện tại Quảng Bình. Tranh thủ sự hỗ trợ từ các nguồn lực của Trung ương, các chương trình dự án của các tổ chức quốc tế và đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đa dạng các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt là hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông,

điện lực, ngân hàng tại các trung tâm du lịch của tỉnh, các khu, điểm du lịch.

Phát triển sản phẩm du lịch dịch vụ bổ trợ, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, sản phẩm du lịch sinh thái, sản phẩm du lịch cộng đồng, sản phẩm du lịch mới. Phát triển các sản phẩm du lịch khám phá, trải nghiệm, tìm hiểu Di sản Thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng. Nâng cao chất lượng dịch vụ và đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch khám phá hang động trong đó chú trọng các tuyến du lịch cao cấp; tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ các tuyến du lịch tại Phong Nha - Kẻ Bàng đồng thời nghiên cứu và phát triển các tuyến, điểm du lịch mới mang tính độc đáo cao. Tiếp tục khai thác có hiệu quả các sản phẩm khám phá trải nghiệm hiện có, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch tại các điểm du lịch³.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực du lịch. Huy động các nguồn lực để tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về phát triển du lịch bền vững, du lịch có trách nhiệm, khả năng ngoại ngữ, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tính chuyên nghiệp của các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch và cộng đồng dân cư. Phối hợp với các đơn vị liên quan để cung cấp chi tiết, đầy đủ và rộng rãi thông tin lao động trong ngành và chia sẻ kinh nghiệm tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp bằng nhiều hình thức đa dạng như internet, báo chí, ấn phẩm...

Xây dựng văn hóa du lịch. Triển khai áp dụng có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử văn minh trong du lịch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với tất cả các khu, tuyến, điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ đồng thời

³ Động Thiên Đường, động Phong Nha, động Tiên Sơn, suối Nước Moọc, Vườn thực vật, sông Chày - hang Tối,...

thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách; khẳng định du lịch Quảng Bình là điểm đến an toàn, chất lượng và mến khách; mỗi người dân Quảng Bình là một hướng dẫn viên du lịch. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án an ninh du lịch giai đoạn 2018-2020.

2.5. Giao thông vận tải

Trong điều kiện ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, phải chủ động bám sát để tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương nhằm tăng nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình trọng điểm như: hệ thống đường bộ, đường sắt cao tốc, nâng cấp sân bay Đồng Hới, cảng Hòn La, các tuyến đường thủy phục vụ phát triển du lịch... Tích cực làm việc với các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vay của Chính phủ, vốn ODA, NGO cho đầu tư phát triển hạ tầng giao thông vận tải.

Phân cấp trong quản lý đầu tư phù hợp với yêu cầu về cải cách hành chính và các quy định pháp luật về xây dựng mới ban hành, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đơn giản hóa các thủ tục xây dựng cơ bản. Đi đôi với việc phân cấp quản lý đầu tư cần xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; gắn cơ chế thưởng phạt hợp đồng theo quy định nhằm nâng cao trách nhiệm của các bên khi tham gia quá trình hoạt động đầu tư xây dựng. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đánh giá đầu tư và quản lý các khâu trong quá trình đầu tư; giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng vốn của các dự án đầu tư.

Quan tâm đầu tư kinh phí cho việc chuyển giao ứng dụng các công nghệ mới trong thiết kế, thi công xây dựng các công trình để từng bước hiện đại hóa, đồng bộ hóa đầu tư xây dựng công trình giao thông vận tải. Thường xuyên đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ,

đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị thi công, hình thành đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ cao trong sử dụng thiết bị và điều hành thi công nhằm nâng cao năng suất và chất lượng các công trình hạ tầng giao thông vận tải.

Khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu áp dụng các hình thức đầu tư công kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo các phương thức hợp tác công - tư (PPP); tạo mọi điều kiện và ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng giao thông vận tải theo các phương thức trên và theo các quy định hiện hành của nhà nước. Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm; điều chỉnh tỷ lệ đóng góp hợp lý trong từng giai đoạn nhằm khuyến khích người dân bỏ vốn đầu tư.

2.6. Xúc tiến, thu hút đầu tư

Tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến, vận động, thu hút đầu tư. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và nước ngoài, hướng tới các nhà đầu tư có thương hiệu, uy tín, năng lực.

Tiếp tục triển khai tốt các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, với mục tiêu là các cấp, các ngành phải nghiêm túc thực hiện để tạo ra điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư, kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, xử lý, giải quyết ngay những khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư.

Phấn đấu cải thiện rõ rệt thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tập trung vào củng cố và nâng cao chất lượng Trung tâm Hành chính công tỉnh. Triển khai có hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá và xếp hạng các sở, ngành,

địa phương (DDCI). Triển khai thực hiện quyết liệt các nội dung của hội nghị xúc tiến đầu tư qua các năm và các cam kết của tỉnh để tạo điều kiện, hỗ trợ, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư và thực hiện các thủ tục để triển khai các dự án ký thỏa thuận hợp tác đầu tư.

Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phát triển sản xuất, kinh doanh; tổ chức đối thoại công khai định kỳ hàng quý với doanh nghiệp theo hướng thực chất, trọng tâm, trọng điểm, có kết quả; tăng cường chất lượng hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp; có các giải pháp hiệu quả để khuyến khích, đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp.

2.7. Tài chính, ngân hàng

Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh để thu hút các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phù hợp với cơ chế thị trường làm cơ sở cho việc định hướng và phân bổ nguồn lực (vốn, đất đai, tài nguyên...) để phát triển kinh tế bền vững, hiệu quả.

Tập trung cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công, bảo đảm cân đối, an toàn và bền vững. Đến 2030, phần đầu thu ngân sách đạt 11.000 tỷ đồng, tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2030 đạt trên 15%/năm.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước cấp tỉnh chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên; phần đầu giảm bội chi ngân sách nhà nước, từng bước tăng tích lũy cho đầu tư phát triển và trả nợ vay.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương về tài chính - ngân sách nhà nước và nợ công. Siết chặt kỷ luật tài khóa, ngân sách, nợ công; thực hiện thu chi trong phạm vi dự toán, vay nợ, giải ngân trong phạm vi kế hoạch và hạn mức được cấp

thẩm quyền quyết định.

Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước theo hướng: có mô hình tổ chức hợp lý và cơ chế vận hành đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả, phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có đầy đủ vị thế pháp lý và trách nhiệm giải trình; bảo đảm an toàn, lành mạnh hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD), giữ vai trò chủ chốt bảo đảm ổn định tài chính.

Phát triển hệ thống các TCTD theo hướng: hoạt động minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả bền vững; cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình; dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế; năng động, sáng tạo để thích ứng với quá trình tự do hóa và toàn cầu hóa; đáp ứng nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng ngày càng gia tăng của nền kinh tế, tiến tới tài chính toàn diện vào năm 2030, bảo đảm mọi người dân và doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận đầy đủ, thuận tiện các dịch vụ tài chính, ngân hàng có chất lượng, đóng góp tích cực cho phát triển bền vững.

Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế. Chú trọng phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực của ngành ngân hàng. Tăng cường hợp tác quốc tế và đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng.

2.8. Quản lý đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh công tác quy hoạch chi tiết các phường, thị trấn; quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, quy hoạch sử dụng đất, bổ sung điều chỉnh quy hoạch chi tiết các huyện lỵ, nhất là quy hoạch hạ tầng. Tăng cường lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu vực có tiềm

năng, lợi thế, khu đô thị, khu dân cư để đẩy mạnh phát triển quỹ đất và thu hút đầu tư, nhất là ở khu vực nội thành Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, các thị trấn huyện lỵ. Chú trọng phát triển quỹ đất giá rẻ để mở rộng đối tượng tiêu thụ, tăng nguồn thu từ quỹ đất để đầu tư cho đầu tư kết cấu hạ tầng.

Tập trung các nguồn vốn để kiên cố hóa trường lớp học, trạm y tế; xây dựng từng bước hoàn chỉnh hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao ở cấp cơ sở. Huy động nguồn vốn trong dân, vốn vay để thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn để vừa tạo sức mạnh tổng hợp, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Củng cố, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý các cấp cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là các kiến thức liên quan đến công tác đầu tư xây dựng. Nâng cao nhận thức, ý thức nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức đội ngũ cán bộ quản lý để đủ sức quản lý và chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình, dự án đầu tư hạ tầng có hiệu quả. Nâng cao trình độ và trách nhiệm của chủ đầu tư, nhất là ở cấp cơ sở.

Quan tâm đầu tư kinh phí cho việc chuyển giao ứng dụng các công nghệ mới trong thiết kế xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, từng bước hiện đại hóa, đồng bộ hóa trong đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng. Khuyến khích các doanh nghiệp thường xuyên đổi mới và nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ, đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị thi công nhằm nâng cao năng suất và chất lượng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước, đi đôi với đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực tài nguyên môi trường. Mở rộng mô hình doanh nghiệp dân doanh và tổ chức cộng

đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải cho các khu dân cư. Huy động các nguồn lực để đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn, chất thải y tế, đặc biệt ở khu vực đô thị, các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Kêu gọi các nguồn vốn trong nước và quốc tế cho các dự án đầu tư xây dựng chống biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bão lũ.

2.9. Sắp xếp đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Để việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đạt kết quả cao, trong thời gian tới các sở, ngành liên quan và các DNNN thuộc tỉnh quản lý cần tiếp tục quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; xác định sắp xếp, đổi mới DNNN là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng thời cần quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo và triển khai thực hiện các giải pháp để hoàn thành tốt kế hoạch đề ra; tích cực tham mưu, đề xuất phương án, hoàn thiện, bổ sung, tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục pháp lý, hướng dẫn quy trình, sắp xếp nhân sự để các doanh nghiệp tái cơ cấu thành công; tăng cường thông tin tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao giữa các cấp, ngành, doanh nghiệp và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới DNNN.

Đưa thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh trở thành dịch vụ công hiện đại nhất, tất cả các thủ tục đều được tiếp nhận, trả kết quả tại một đầu mối là Trung tâm Hành chính công của tỉnh hoặc đăng ký tại nhà qua mạng điện tử, nhận kết quả tại nhà qua đường bưu điện, các quy trình xử lý đều được thực hiện liên thông điện tử. Tập trung xây dựng và hoàn thiện cơ

sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh thông qua việc chuẩn hóa và số hóa toàn bộ hồ sơ thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được lưu trữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh từ trước đến nay, tạo ra kho lưu trữ doanh nghiệp điện tử.

Xây dựng các chương trình, chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ để gia tăng số lượng các doanh nghiệp hoạt động về tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý nhằm hỗ trợ, tư vấn các doanh nghiệp khác trên địa bàn trong quá trình sản xuất, kinh doanh và tiếp cận với các thủ tục, chính sách

2.10. Tài nguyên môi trường

Ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo bám sát yêu cầu của thực tiễn, giải quyết những vấn đề bức xúc của người dân, doanh nghiệp; tăng cường công khai minh bạch, thiết lập sự bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực tài nguyên và môi trường giữa các thành phần kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, nhằm tăng cường cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương ngày càng có hiệu quả, khắc phục những bất cập, lỗ hổng về chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường; đề xuất những chính sách có tính mới, phù hợp với thực tiễn để tạo sự bước đột phá cho phát triển.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra để chủ động ngăn ngừa những vi phạm chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường, trong đó chú trọng kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai, khoáng sản, môi trường, đo đạc và bản đồ tại một số tổ chức số huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tập trung vào các đối tượng là các dự án sử dụng đất chậm tiến độ, các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các hoạt động khai thác khoáng sản trái

phép; tăng cường nâng cao chất lượng và đảm bảo quy định trong thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát đơn giản hồ sơ, trình tự thực hiện và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện tốt việc công khai hóa quy trình thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trang thông tin điện tử của Sở TN&MT; tiếp tục cải cách chế độ công vụ tạo chuyển biến về lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; xây dựng và áp dụng ISO 9001:2015 trong công tác quản lý và điều hành. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài nguyên và môi trường; tập trung cho việc xây dựng các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường mà trọng tâm hoàn thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai để tích hợp với cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường và phục vụ cho hoạt động của ngành và cho mọi nhu cầu xã hội.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực điều tra cơ bản về đất đai, địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo. Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm nguồn tài nguyên; tăng cường và hiện đại hóa mạng lưới quan trắc môi trường, chú trọng ngăn ngừa sự cố ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

Quảng Bình đang trên đường đổi mới và phát triển. Kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh là dịp tiếp tục khẳng định quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh nêu cao truyền thống đoàn kết thống nhất, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu xây dựng tỉnh Quảng Bình phát triển giàu đẹp, văn minh, hiện đại ■